

KẾ HOẠCH

**Rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo
năm 2026 trên địa bàn xã Tân Minh**

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030; Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030; Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030; Công văn số 8713/BNNMT-VPĐP ngày 04/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc xây dựng kế hoạch và tổ chức rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 328/KH-UBND ngày 26/8/2026 của UBND thành phố Hải Phòng thực hiện chuẩn nghèo quốc gia; rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 và giai đoạn 2027-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 114/KH-SNNMT ngày 28/8/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Ủy ban nhân dân xã Tân Minh ban hành Kế hoạch rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 trên địa bàn xã như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức rà soát, xác định, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, làm cơ sở thực hiện chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chính sách có liên quan.

- Tổ chức rà soát đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027- 2030, xác định đầy đủ, chính xác danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo để làm căn cứ thực hiện chính sách giảm nghèo từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

- Thiết lập, cập nhật và quản lý thống nhất cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận

nghèo trên địa bàn thành phố; bảo đảm đồng bộ, thống nhất với cơ sở dữ liệu quốc gia (<https://csdlhn.mae.gov.vn>) và cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Đánh giá thực chất tình trạng nghèo đa chiều trên địa bàn thành phố, xác định nguyên nhân nghèo, mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản, làm cơ sở xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội của Trung ương và thành phố (các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách an sinh xã hội liên quan đến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo).

2. Yêu cầu

- Thực hiện đúng đối tượng, đúng quy trình, đúng phương pháp và đúng thời gian quy định tại Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT và các quy định có liên quan. Thông tin thu thập phải đầy đủ, trung thực; kết quả rà soát phải phản ánh đúng thực trạng đời sống của hộ gia đình. Bảo đảm nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan, chính xác; có sự tham gia giám sát của cộng đồng dân cư và các tổ chức chính trị - xã hội. Kết quả rà soát phải được công khai theo quy định; kịp thời tiếp nhận, xem xét và giải quyết các ý kiến phản ánh, kiến nghị của người dân.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về chất lượng, tiến độ và kết quả rà soát trên địa bàn quản lý. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa kết quả điều tra, bảo đảm dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác và an toàn.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI RÀ SOÁT

1. Phạm vi: Thực hiện rà soát trên toàn bộ các thôn địa bàn xã.

2. Đối tượng rà soát:

- Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo: Gồm các hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn xã tại thời điểm rà soát và các hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ thoát nghèo: hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn xã tại thời điểm rà soát.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo.

III. CHUẨN NGHÈO VÀ PHƯƠNG PHÁP RÀ SOÁT

1. Rà soát theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025

1.1. Chuẩn nghèo: Thực hiện theo Điều 2 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP:

“1. Tiếp tục thực hiện chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây

gọi là Nghị định số 07/2021/NĐ-CP) từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

2. Chuẩn nghèo quy định tại khoản 1 Điều này là căn cứ để đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội khác năm 2026”.

1.2. Phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo: Thực hiện theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và các văn bản hướng dẫn có liên quan, làm căn cứ thực hiện chính sách giảm nghèo trong năm 2026.

2. Rà soát theo chuẩn nghèo giai đoạn 2027-2030

2.1. Chuẩn nghèo: Thực hiện theo Điều 3 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP.

Mức chuẩn thu nhập:

Khu vực nông thôn: 2.200.000 đồng/người/tháng;

Khu vực đô thị: 2.800.000 đồng/người/tháng.

Các dịch vụ xã hội cơ bản gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; thông tin; nước sinh hoạt, vệ sinh và môi trường.

Hộ nghèo, hộ cận nghèo được xác định trên cơ sở kết hợp tiêu chí về thu nhập và mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản theo quy định, cụ thể:

- Hộ nghèo khu vực nông thôn là hộ gia đình cư trú ở khu vực nông thôn, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.200.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản trở lên. 5

- Hộ nghèo khu vực đô thị là hộ gia đình cư trú ở khu vực đô thị, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.800.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Hộ cận nghèo khu vực nông thôn là hộ gia đình cư trú ở khu vực nông thôn, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.200.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

- Hộ cận nghèo khu vực đô thị là hộ gia đình cư trú ở khu vực đô thị, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.800.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản”.

2.2. Phương pháp rà soát giai đoạn 2027-2030

Thực hiện theo quy trình, phương pháp và hệ thống biểu mẫu quy định tại Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

Việc xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo được thực hiện trên

cơ sở kết quả thu thập thông tin, chấm điểm, ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản theo quy định; làm căn cứ thực hiện chính sách giảm nghèo từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

IV. NỘI DUNG VÀ QUY TRÌNH THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền

- Ủy ban nhân dân xã tổ chức tuyên truyền rộng rãi đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân về: mục đích, ý nghĩa của việc rà soát; đối tượng được rà soát; tiêu chí xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; phương pháp và quy trình rà soát; quyền và trách nhiệm của hộ gia đình; thời gian thực hiện; quyền phản ánh, kiến nghị của người dân.

- Hình thức tuyên truyền: Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh xã; tại các cuộc họp thôn; niêm yết thông báo tại nhà văn hóa thôn; tuyên truyền thông qua Ban công tác Mặt trận; Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh; tuyên truyền trực tiếp đến các hộ gia đình thuộc diện rà soát.

2. Tổ chức lực lượng rà soát

- UBND xã thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026.

- Tổ công tác rà soát sẽ được tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ; nắm vững tiêu chí, quy trình, phương pháp, biểu mẫu và chịu trách nhiệm về kết quả rà soát được phân công.

3. Quy trình rà soát, công nhận theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027-2030

- Quy trình thực hiện: Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030

Bước 1. Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo phòng chuyên môn được giao thực hiện công tác giảm nghèo thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan lập Danh sách hộ gia đình cần rà soát theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

a1) Hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã tại thời điểm rà soát;

a2) Hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện), đã qua rà soát theo Phiếu A Mẫu số 2.1 Phụ

lục II và Mục II Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này mà không có điều kiện nhận dạng nhanh theo ghi chú tại cột 0 và có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09.

b) Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ thoát nghèo: hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã tại thời điểm rà soát.

Bước 2: Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình

a) Người thực hiện rà soát sử dụng Phiếu B1 Mẫu số 2.2, Phiếu B2 Mẫu số 2.3, Phiếu C Mẫu số 2.4, Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này để rà soát, phân loại hộ gia đình theo Danh sách hộ gia đình cần rà soát.

b) Trên cơ sở kết quả rà soát, tính điểm Đ từ Phiếu B1 và số thiếu hụt TH từ Phiếu B2, thực hiện phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo như sau:

b1) Hộ nghèo khu vực nông thôn là hộ có điểm Đ từ 190 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH từ 03 chỉ số trở lên;

b2) Hộ nghèo khu vực đô thị là hộ có điểm Đ từ 280 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH từ 03 chỉ số trở lên;

b3) Hộ cận nghèo khu vực nông thôn là hộ có điểm Đ từ 190 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH dưới 03 chỉ số;

b4) Hộ cận nghèo khu vực đô thị là hộ có điểm Đ từ 280 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH dưới 03 chỉ số;

b5) Hộ có điểm Đ trên 190 điểm ở khu vực nông thôn hoặc trên 280 điểm ở khu vực đô thị được xác định không thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo;

b6) Hộ thoát nghèo là hộ có điểm Đ trên 190 điểm ở khu vực nông thôn hoặc trên 280 điểm ở khu vực đô thị, trước thời điểm rà soát thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã.

c) Lập Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư này đối với hộ gia đình đủ điều kiện sau phân loại.

Bước 3. Tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát, phân loại theo danh sách lập theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Thành phần cuộc họp: Trưởng thôn (chủ trì); đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, người thực hiện rà soát; đại diện một số hộ gia đình theo kết quả phân loại hộ gia đình; mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, một số hộ gia đình cư trú trên địa bàn cấp xã.

c) Nội dung cuộc họp: lấy ý kiến về kết quả rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ

cận nghèo, hộ thoát nghèo. Trường hợp có ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp đồng ý hộ gia đình thuộc Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, người chủ trì cuộc họp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để chỉ đạo việc niêm yết, thông báo công khai theo quy định tại khoản 5 Điều này. Trường hợp có dưới 50% tổng số người tham dự cuộc họp đồng ý hộ gia đình thuộc Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, người chủ trì cuộc họp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để chỉ đạo rà soát lại.

d) Kết quả cuộc họp gồm: Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư này; 02 biên bản có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp, người thực hiện rà soát, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và đại diện của một số hộ dân theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; 01 biên bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, 01 biên bản Trưởng thôn.

Bước 4. Niêm yết, thông báo công khai

a) Niêm yết, thông báo công khai Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, Cổng thông tin điện tử của xã và qua đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày niêm yết, thông báo.

b) Trong thời hạn niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có ý kiến không đồng ý với Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo xử lý và công khai kết quả tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại thôn.

c) Hết thời hạn niêm yết, thông báo công khai, phòng chuyên môn được giao thực hiện công tác giảm nghèo tổng hợp Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận kết quả rà soát.

Bước 5. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này bảo đảm quy định về thời gian rà soát; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này trước ngày 31 tháng 12 hằng năm. Trường hợp không đủ điều kiện công nhận theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Quyết định công nhận kèm theo Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo được đăng tải tại Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã, niêm yết, thông báo công khai tại trụ sở UBND cấp xã và tại thôn.

* Thời gian rà soát định kỳ hằng năm: từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm thực hiện rà soát.

4. Quy trình rà soát trong năm (rà soát bổ sung, đột xuất)

- Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát.
- Thực hiện rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư 25/2026/TT-BNNMT.
- Tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát; niêm yết, thông báo công khai.
- Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo. Thời gian rà soát trong năm: từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 8 hằng năm, trừ trường hợp đột xuất. Trường hợp bổ sung đột xuất (xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc trường hợp bất khả kháng khác; phát sinh từ ngày 15/12 đến hết ngày 31/12) thì thời gian rà soát, danh sách hộ gia đình cần rà soát do người thực hiện rà soát đề xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

5. Tiến độ thực hiện

- Trước ngày 25/9/2026 UBND xã xây dựng Kế hoạch, tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ rà soát; tổ chức lực lượng rà soát.
- Từ 26/9/2026 đến 25/10/2026 cấp xã tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình; tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát.
- Từ 26/10 đến 03/11/2026 cấp xã tổng hợp sơ bộ kết quả rà soát báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Từ 04/11/2026 đến trước ngày 20/11/2026 cấp xã tổng hợp chính thức kết quả rà soát, công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hoàn thiện đầy đủ biểu mẫu báo cáo theo quy định, báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Từ ngày 21/11/2026 đến trước ngày 10/12/2026 Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ trên địa bàn gửi về Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.
- Trước ngày 31/12/2026 Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định; đồng thời chỉ đạo thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thu thập cơ sở dữ liệu thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để theo dõi, quản lý và báo cáo về Ủy ban nhân dân thành phố.

6. Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn đơn đốc cơ sở thôn triển khai rà soát

Trong quá trình rà soát, nếu kết quả rà soát phản ánh chưa đúng với điều kiện phát triển kinh tế tại địa phương hoặc nhận được phản ánh, kiến nghị của

người dân, Ban chỉ đạo cấp xã tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác rà soát. Nội dung kiểm tra, giám sát tập trung vào việc thực hiện quy trình, phương pháp rà soát; tính chính xác của thông tin; việc tổ chức họp dân; niêm yết công khai; tiếp nhận và giải quyết kiến nghị. Trường hợp phát hiện sai sót, thiếu chính xác hoặc thực hiện không đúng quy định, Ban Chỉ đạo có trách nhiệm hướng dẫn, yêu cầu cơ sở thôn khắc phục; trường hợp vượt thẩm quyền thì tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, chỉ đạo.

V. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện công tác rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo do ngân sách Nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước hiện hành được bố trí trong dự toán chi hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định và sử dụng kinh phí trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

VI. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế (cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo)

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch, thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ công tác rà soát và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 trên địa bàn xã đảm bảo theo đúng mục đích, yêu cầu của Kế hoạch này;

- Tham gia tập huấn quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; hướng dẫn hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổ chức lực lượng rà soát viên và chỉ đạo các rà soát viên thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn đảm bảo tính chính xác, đúng quy trình, công khai, minh bạch trong quá trình rà soát; hướng dẫn đôn đốc và kiểm tra công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn quản lý (Danh sách các hộ nghèo, hộ cận nghèo được niêm yết công khai tại nhà văn hóa thôn và phát trên hệ thống loa phát thanh của xã để Nhân dân biết, trước khi Ủy ban nhân dân cấp xã làm thủ tục công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn).

- Hướng dẫn thôn tổ chức thực hiện cập nhật kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; hướng dẫn việc lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi có hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Tổng hợp báo cáo sơ bộ kết quả rà soát gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường **trước ngày 03/11/2026** và báo cáo kết quả chính thức **trước ngày 20/11/2026**, lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường **trước ngày 31/12/2026** làm cơ sở thực hiện các chính sách

an sinh xã hội, đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo hàng năm.

- Tham mưu Chủ tịch UBND xã phê duyệt kết quả rà soát công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 trên địa bàn xã;

- Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã căn cứ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, rà soát, điều chỉnh việc thực hiện chính sách, chế độ đối với người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đảm bảo theo quy định.

2. Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công

- Tổ chức tuyên truyền mục đích, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên các phương tiện truyền thông; Cổng thông tin điện tử của xã, hệ thống thông tin cơ sở, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và quần chúng Nhân dân về tầm quan trọng, ý nghĩa của Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 để thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn xã.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội:

Phối hợp thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022-2025; theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 theo kế hoạch ban hành làm cơ sở thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo đảm bảo an sinh xã hội.

4. Các thành viên Ban Chỉ đạo

- Theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, chủ động, nghiêm túc phối hợp với Phòng Kinh tế và các ngành có liên quan kịp thời theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các thôn triển khai rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều, bảo đảm công khai, dân chủ, công bằng và đúng đối tượng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo đúng đối tượng, công bằng, khách quan, dân chủ trong công tác rà soát, phân loại và công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo tại địa phương.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các tổ chức chính trị - xã hội thành viên

- Chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức tuyên truyền, phổ biến, vận động Nhân dân, đoàn viên và các hội viên tham gia lực lượng các Tổ rà soát; phối hợp với chính quyền cơ sở nắm tình hình các hộ có nguy cơ nghèo, tái nghèo để phản ánh kịp thời. Giám sát quy trình rà soát, niêm yết công khai danh sách bảo đảm công khai, minh bạch về quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn xã.

6. Tổ công tác rà soát cơ sở thôn

- Phối hợp các hội đoàn thể ở thôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền mục đích, ý nghĩa công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn đến với nhân dân trên địa bàn thôn.

- Tham gia các lớp tập huấn điều tra hoặc cử điều tra viên, tiến hành triển khai rà soát, điều tra đảm bảo thời gian, đúng đối tượng theo quy định.

- Tổ chức huy động lực lượng rà soát viên tham gia công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo đảm bảo theo quy định, công khai minh bạch, hạn chế phát sinh khiếu nại, kiến nghị; kịp thời xử lý các phản ánh theo quy định.

- Bố trí thời gian, địa điểm, thành phần tham gia hội nghị xét duyệt đề nghị xét duyệt được công khai, khách quan và đạt kết quả tốt và chịu trách nhiệm về kết quả rà soát.

- Thực hiện niêm yết và tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn theo thời gian quy định và gửi về Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, cận nghèo (*qua Phòng Kinh tế*), báo cáo sơ bộ kết quả rà soát trước **ngày 01/11/2026** và báo cáo chính thức kết quả rà soát trước **ngày 18/11/2026**.

- Quản lý, theo dõi biến động hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn thôn.

Trên đây là Kế hoạch rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 trên địa bàn xã Tân Minh. Căn cứ Kế hoạch này đề nghị các cơ quan, đơn vị, cơ sở thôn phối hợp chặt chẽ chủ động triển khai thực hiện, kết quả rà soát phản ánh đúng thực trạng nghèo đa chiều và là cơ sở thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về UBND xã (*qua Phòng Kinh tế*) để xem xét, điều chỉnh phù hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường TP;
- TT ĐU, TT HĐND xã;
- CT, các PTC UBND xã;
- UB MTTQVN xã;
- VP ĐU, VP HĐND&UBND xã;
- Thủ trưởng Phòng KT, VHXH;
- Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công;
- Thành viên BCD rà soát;
- Các Tổ rà soát cơ sở thôn;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quyết Thắng